

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101704 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040051	36CCĐ1	Nguy n V ấ Công	08/01/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
2	3671040124	36CCĐ1	Nguy n H ng D ng	18/11/1994				4.0			4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	
3	3671040218	36CCĐ1	Nguy n V ấ ấ	06/11/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
4	3671040274	36CCĐ1	VHONg c ấ c	04/03/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
5	3671040180	36CCĐ1	Ng» V ấ Hai	24/01/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
6	3671040020	36CCĐ1	ấ inh C»ng H u	18/11/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
7	3671040230	36CCĐ1	Nguy n H u Hi n	01/06/1994				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
8	3671042003	36CCĐ1	Nguy n Th Hoan	20/12/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
9	3671040216	36CCĐ1	L i ấ nh Ho ầ ng	22/08/1994				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
10	3671040011	36CCĐ1	VHONh t Ho ầ ng	06/04/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
11	3671040126	36CCĐ1	Mai Th Huy	25/09/1993				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
12	3671040178	36CCĐ1	Nguy n Trung Ki ề n	20/10/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
13	3671040221	36CCĐ1	Tr n B ấ i Trung Ki ề n	25/04/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
14	3671040079	36CCĐ1	Tr n V ấ Ki ề n	15/07/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
15	3671040262	36CCĐ1	L ề Duy Khang	11/01/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
16	3671040086	36CCĐ1	Nguy n Anh Khang	16/11/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
17	3671040285	36CCĐ1	Tr n Ng» Qu c Khanh	31/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
18	3671042021	36CCĐ1	Hu nh T n L ầ m	02/10/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
19	3671040033	36CCĐ1	L ² V ấ L u	05/07/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101704 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041954	36CCĐ1	Ću T n L c	26/10/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
21	3671040211	36CCĐ1	Nguy n Th Ng c Mai	22/02/1994				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
22	3671040465	36CCĐ1	Nguy n ấ c M nh	15/04/1992				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
23	3671040028	36CCĐ1	Nguy n Ng c H i My	03/07/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
24	3671040680	36CCĐ1	B ấ i V ấ Nh ấ n	05/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
25	3671042051	36CCĐ1	Tr n Vi t Nh ấ n	21/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
26	3671040195	36CCĐ1	Ho ấ ng Thi ấ n Qu c	12/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
27	3671040170	36CCĐ1	B ấ i H u Quy n	20/02/1992				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
28	3671040282	36CCĐ1	Nguy n Ph m M ấ t Shi Bit	10/08/1994				5.0			5.0	1.5	1.8	1.3	2.8	
29	3671040012	36CCĐ1	H ấ n T n Sinh	08/10/1991				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
30	3671042032	36CCĐ1	Nguy n H ng S n	16/10/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
31	3671040005	36CCĐ1	L u ấ c To ấ n	22/11/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
32	3671040162	36CCĐ1	L ấ Thanh Tú	10/04/1993				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
33	3671040103	36CCĐ1	Phan V ấ Nh Th ng	17/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
34	3671040199	36CCĐ1	Tr n Thanh Th nh	22/12/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
35	3471010323	36CCĐ1	Nguy n Minh Thu n	31/03/1992				8.0			8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
36	3671040280	36CCĐ1	Nguy n Quang Tr i	10/06/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
37	3671040147	36CCĐ1	Tr n Quang Trung	01/06/1993				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
38	3671040060	36CCĐ1	Ph m Nh t Tr ng	26/12/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CCĐ1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122067101704 - V t lĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040041	36CCĐ1	Tr ng Nguy n ấ c Vinh	12/07/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
40	3671040278	36CCĐ1	B ỉ V ấ V ấO	04/06/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
41	3671041645	36CCĐ1	Nguy n Nguy ² n V ấO	10/05/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	

T ng s : 41 h c sinh sinh v i²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o V i²n B M ấn

Gi o V Khoa